

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Trần Khoa**

Bà **Nguyễn Thị Xuân Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Tấn Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Bích Hương** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 913/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2024 về việc “**Ly hôn**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2025 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T** – sinh năm 1987

Địa chỉ: 19 thôn L 2, xã P, thành phố T, tỉnh H

Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Ông **Đặng Hoàng N** – sinh năm 1982

Địa chỉ: 42 thôn L 2, xã P, thành phố T, tỉnh H

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải:

Bà và ông Đặng Hoàng N kết hôn lần đầu năm 2007 nhưng ly hôn sau 02 năm chung sống vì ông N rượu chè be bét. Sau đó vì sợ con không có cha nên tôi và ông N lại đăng ký kết hôn năm 2015. Tuy nhiên ông N vẫn không thay đổi, vẫn rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình. Tất cả mọi việc lớn nhỏ trong nhà đều do một tay bà quán xuyến. vì vậy bà xin ly hôn với ông N.

Bà và ông N có hai con chung là Đặng Hoàng H sinh ngày 17/9/2007 và Đặng Thị Kim Y sinh ngày 10/10/2015. Bà T xin nuôi hai con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Hoàng N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa do đó không thể lấy lời khai và hòa giải hai bên

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị

đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không xem xét. Nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Việc bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Đặng Hoàng N, Xét yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

*** Về nội dung vụ án:** Bà Lê Thị T và ông Đặng Hoàng N tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 23/4/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông N không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Đặng Hoàng N có 02 con chung là Đặng Hoàng H sinh ngày 17/9/2007 và Đặng Thị Kim Y sinh ngày 10/10/2015. Bà T xin nuôi hai con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đặng Hoàng H và Đặng Thị Kim Y có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên giao hai cháu cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Đặng Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị T được ly hôn ông Đặng Hoàng N.

2/ Về con chung: Giao con chung là Đặng Hoàng H sinh ngày 17/9/2007 và Đặng Thị Kim Y sinh ngày 10/10/2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Đặng Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Hoàng N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Đồng thời ông N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Lê Thị T và ông Đặng Hoàng N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003087 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
 - Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
 - Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
 - UBND xã P-Tp. T- tỉnh H
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2015 ngày 23/4/2015);
- Đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung